**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn - Lớp 7**

*(Thời gian làm bài: 90 phút)*

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

**THỜI GIAN LÀ VÀNG**

Ngạn ngữ có câu: “Thời gian là vàng”. Nhưng vàng thì mua được mà thời gian không mua được. Thế mới biết vàng có giá mà thời gian là vô giá.

Thật vậy, thời gian là sự sống. Bạn vào bệnh viện mà xem, người bệnh nặng, nếu kịp thời chạy chữa thì sống, để chậm là chết.

Thời gian là thắng lợi. Bạn hỏi các anh bộ đội mà xem, trong chiến đấu, biết nắm thời cơ, đánh địch đúng lúc là thắng lợi, để mất thời cơ là thất bại.

Thời gian là tiền. Trong kinh doanh, sản xuất hàng hóa đúng lúc là lãi, không đúng lúc là lỗ.

Thời gian là tri thức. Phải thường xuyên học tập thì mới giỏi. Học ngoại ngữ mà bữa đực, bữa cái, thiếu kiên trì, thì học mấy cũng không giỏi được.

Thế mới biết, nếu biết tận dụng thời gian thì làm được bao nhiêu điều cho bản thân và cho xã hội. Bỏ phí thời gian thì có hại và về sau hối tiếc cũng không kịp.

*(Theo Phương Liên - Ngữ văn 9, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam,2007, tr 36-37)*

***\* Ghi lại chữ cái trước phướng án trả lời đúng nhất cho các câu hỏi từ 1 đến 8 vào bài làm.***

**Câu 1:** Văn bản “Thời gian là vàng” thuộc loại văn bản nào?

A. Văn bản biểu cảm. B. Văn bản nghị luận.

C. Văn bản tự sự. D. Văn bản thuyết minh.

**Câu 2:** Trong văn bản trên người viết đã đưa ra mấy ý kiến để nêu lên giá trị của thời gian?

A. Ba. B. Bốn.

C. Năm. D. Sáu.

**Câu 3:** Nhận định nào không đúng khi nói về văn bản “Thời gian là vàng”?

A. Bài viết ngắn gọn, súc tích, thể hiện rõ tình cảm của người viết.

B. Người viết thể hiện rõ ý kiến đối với vấn đề cần bàn bạc.

C. Trình bày những ý kiến, lí lẽ, bằng chứng cụ thể.

D. Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.

**Câu 4:** Từ ngữ in đậm trong đoạn văn dưới đây được sử dụng theo biện pháp liên kết nào?

*“Ngạn ngữ có câu: “Thời gian là vàng”.* ***Nhưng*** *vàng thì mua được mà thời gian không mua được. Thế mới biết vàng có giá mà thời gian là vô giá.”*

A. Phép thế. B. Phép lặp.

C. Phép liên tưởng. D. Phép nối.

**Câu 5:** Câu: “Thời gian là sự sống.” sử dụng biện pháp tu từ nào?

A. So sánh. B. Nhân hóa.

C. Ẩn dụ. D. Hoán dụ.

**Câu 6:** Ý nào đúng khi nói về “giá trị của thời gian là sự sống” từ văn bản trên?

A. Biết nắm thời cơ, mất thời cơ là thất bại.

B. Sự sống con người là vô giá, phải biết trân trọng.

C. Kịp thời chạy chữa thì sống, để chậm là chết.

D. Phải kiên trì, nhẫn nại mới thành công.

**Câu 7:** Nội dung chính trong văn bản trên là gì?

A. Khẳng định giá trị của vàng đối với con người.

B. Khẳng định giá trị của thời gian đối với con người.

C. Khẳng định giá trị của thời gian trong học tập.

D. Ý nghĩa của thời gian trong kinh doanh, sản xuất.

**Câu 8:** Xác định phép lập luận trong văn bản trên.

A. Phép lập luận chứng minh, giải thích.

B. Trình bày khái niệm và nêu ví dụ.

C. Phép liệt kê và đưa số liệu.

D. Phép lập luận phân tích và chứng minh.

***\* Từ câu 9 đến câu 10, em hãy viết câu trả lời của mình vào bài làm.***

**Câu 9:** Theo em, tại sao tác giả cho rằng: “Thời gian là vàng. Nhưng vàng thì mua được mà thời gian không mua được.”?

**Câu 10:** Qua văn bản trên em rút ra bài học gì về việc sử dụng thời gian?

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Em hãy viết bài văn nghị luận trình bày ý kiến về câu tục ngữ “Uống nước nhớ nguồn”.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn - Lớp 7**

*(Thời gian làm bài: 90 phút)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | B | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | D | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
|  | **9** | Tác giả cho rằng: “*Thời gian là vàng. Nhưng vàng thì mua được mà thời gian không mua được?”*vì:  - *Thời gian là vàng*: thời gian quý giá như vàng.  - *Vàng mua được*: Vàng là vật chất hữu hình có thể mua bán, trao đổi.  - *Thời gian không mua được*: Thời gian là thứ vô hình không thể nắm bắt, đã đi là không trở lại.  **Cách cho điểm:**  *- Học sinh lí giải hợp lí, thuyết phục cho 1,0 điểm;*  *- Lí giải chung chung cho 0,5 điểm;*  *- Lí giải không phù hợp hoặc không lí giải: 0 điểm.* | 1,0 |
|  | **10** | HS rút ra được những bài học từ văn bản:  - Cần sử dụng thời gian một cách hợp lí, có kế hoạch cho từng việc.  - Không nên lãng phí thời gian vì thời gian đã qua thì không thể lấy lại được.  - …  ***Cách cho điểm:***  *- Hai bài học phù hợp trở lên cho 1,0 điểm;*  *- Một bài học phù hợp cho 0,5 điểm;*  *- Không nêu bài học hoặc bài học không phù hợp với nội dung của văn bản: 0 điểm.*  ***\* Lưu ý:*** *Học sinh có thể có cách diễn đạt khác nhưng đúng ý vẫn cho điểm.* | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *1. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:* Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề. | 0,25 |
|  | *2. Xác định đúng yêu cầu của đề:* Viết bài văn về một vấn đề trong đời sống mà em quan tâm | 0,25 |
|  | *3. Triển khai vấn đề nghị luận:*  Học sinh có thể triển khai bài viết theo nhiều các khác nhau nhưng cần đảm bảo được các yêu cầu sau: |  |
|  | **a. Mở bài:**  - Nêu vấn đề cần nghị luận và ý kiến đáng quan tâm về vấn đề đó.  - Trích dẫn câu tục ngữ “Uống nước nhớ nguồn”. | 0,25 |
|  | **b. Thân bài:**  **b.1. Giải thích vấn đề: *(0,5 điểm)***  - Nghĩa đen: khi ta được hưởng dòng nước mát ngọt, trong lành thì phải nhớ đến “nguồn” - nơi đã đem đến cho ta dòng nước tinh khiết ấy.  - Nghĩa bóng: “uống nước” là hình ảnh ẩn dụ tượng trưng cho thành quả được hưởng. Còn “nguồn” là hình ảnh ẩn dụ tượng trưng cho người tạo nên thành quả ấy. Từ đó, câu tục ngữ đều khuyên nhủ: khi ta được hưởng thành quả nào đó thì phải nhớ đến người đã có công dựng lên, phải biết ơn người đã giúp mình.  (*Giải thích đầy đủ, rõ ràng cho 0,5 điểm; Giải thích chưa đầy đủ, rõ ràng cho 0,25 điểm*)  **b.2.** **Thể hiện quan điểm tán thành:** Lời khuyên từ câu tục ngữ là đúng đắn và ý nghĩa. ***(1,5 điểm)***  **\* Lí lẽ:**  - Biết ơn là truyền thống đạo lí tốt đẹp của dân tộc ta.  - Mỗi thành quả vật chất hay tinh thần dù là nhỏ bé cũng không tự nhiên mà có. Tất cả đều nhờ công sức, xương máu của biết bao người đi trước để đem lại cuộc sống hạnh phúc cho chúng ta.  - Lòng biết ơn, ân nghĩa thủy chung là vẻ đẹp cao cả của đạo lí làm người.  - Những người sống ân nghĩa thuỷ chung sẽ luôn được mọi người yêu mến, giúp đỡ.  - Trong gia đình, nếu con cháu luôn biết ơn, hiểu kính với ông bà, cha mẹ, gia đình ấy sẽ luôn yên ấm, hạnh phúc.  - Ngoài xã hội, nếu ai cũng có lòng biết ơn, xã hội ấy sẽ trở nên tốt đẹp, yên bình. Đó cũng là một trong những động lực thúc đấy xã hội phát triển.  -…  (*HS nêu được từ 03 lí lẽ trở lên cho 1,0 điểm; HS nêu được 02 lí lẽ cho 0,75; nêu 01 lí lẽ cho 0,5 điểm. Chấp nhận những cách diễn đạt khác, miễn sao hợp lí thuyết phục*)  **\* Bằng chứng:**  - Dẫn ra được một số bằng chứng về những tấm gương, hành động thể hiện lòng biết ơn. (HS có thể lấy bằng chứng từ thực tế, sách vở, từ bản thân,…).  (*HS nêu được 02 bằng chứng, phân tích thuyết phục cho 0,5 điểm; HS nêu 01 bằng chứng thuyết phục cho 0,25 điểm*) | 2,5 |
|  | **b.3. Nêu bài học nhận thức và hành động *(0,5 điểm).*** |  |
|  | *c. Kết bài: Khẳng định và nêu ý nghĩa của vấn đề.* | 0,25 |
|  | *4. Chính tả, ngữ pháp:* Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *5. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, sáng tạo. | 0,25 |
|  |  | **\* Cách cho điểm:**  *- Điểm 3,5 - 4,0: Đảm bảo tốt tất cả các yêu cầu;*  *- Điểm 2,75 - 3,25:**Đảm bảo tương đối đầy đủ các yêu cầu, lập luận đôi chỗ chưa thực sự thuyết phục;*  *- Điểm 2,0 - 2,5: Đảm bảo 1/2 yêu cầu, lập luận đôi chỗ chưa thuyết phục, câu văn còn lủng củng, sai lỗi chính tả;*  *- Điểm 1,0 - 1,75: Đảm bảo 1/3 yêu cầu, lập luận sơ sài, chưa thuyết phục, sai nhiều lỗi chính tả;*  *- Điểm 0,5 – 0,75: Bài viết rất sơ sài, trình bày cẩu thả.*  *- Điểm 0: Lạc đề hoặc không làm bài.* |  |

**\*Chú ý:** *Điểm toàn bài là tổng điểm của các câu không làm tròn.*